TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
----------	Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số 07/2018/KDTM-PT
Ngày 27/03/2018
V/v "Tranh chấp giao dịch chuyển nhượng cổ phần giữa ông H với bà D; yêu cầu tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần giữa ông H với Công ty TNHH Năng lượng B1 vô hiệu; yêu cầu không công nhận tư cách cổ đông của Công ty TNHH Năng lượng B1 tại Công ty cổ phần điện TL"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Kim Nhân.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Bá Sơn, ông Nguyễn Thanh Long

- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Bùi Ngọc Đức - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hải Tuấn - Kiểm sát viên cao cấp.

Từ ngày 22 đến 27 tháng 3 năm 2018, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa tại trụ sở tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh, thương mại thụ lý số 03/TB-TLVA ngày 13/11/2017 về *"Tranh chấp giao dịch chuyển nhượng cổ phần giữa ông H với bà D; yêu cầu tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần giữa ông H với Công ty TNHH Năng lượng B1 vô hiệu; yêu cầu không công nhận tư cách cổ đông của Công ty TNHH Năng lượng B1 tại Công ty cổ phần Điện TL"*, do Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 01/2017/KDTM-ST ngày 20/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 03A/2018/QĐ-PT ngày 28/02/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim D, sinh năm 1968; địa chỉ: Nhà số 155/1 Đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Bà D có mặt tại phiên tòa.

Bà D ủy quyền cho ông Sin Thoại K (sinh năm 1973; địa chỉ: Nhà số 351/13 đường Ph, phường 14, quận G, thành phố Hồ Chí Minh) theo nội dung Giấy ủy quyền lập ngày 13/6/2017 tại Văn phòng công chứng Đ, thành phố B,

tỉnh Đắk Lắk; ông K có mặt.

2. Bị đơn: Ông Bùi Văn H; địa chỉ: Nhà số 12 đường G1, phường Th, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Ông H ủy quyền cho ông Ngô Quang X (sinh năm 1980; địa chỉ: Nhà số 25/36 đường TTT, phường Ph1, quận X, thành phố Hồ Chí Minh) theo nội dung Giấy ủy quyền ngày 24/6/2017 lập tại Văn phòng công chứng G2, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh; ông X có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Công ty cổ phần điện TL; địa chỉ: Thôn 9, xã H1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần điện TL là ông Trần Văn Q (Chủ tịch hội đồng quản trị Công ty); ông Q trú tại nhà số 7E4-8 Lô RI-3 Khu phố S, phường TP, quận Y, thành phố Hồ Chí Minh, ông Q có mặt.

3.2. Ông Cao Thanh T1, sinh năm 1966; địa chỉ: Nhà số 155/1 Đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt. Ông T1 ủy quyền cho ông Sin Thoại K (địa chỉ: 351/13 đường P3, phường 14, quận G, thành phố Hồ Chí Minh) theo nội dung Giấy ủy quyền ngày 13/6/2017 lập tại Văn phòng công chứng Đ, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; ông K có mặt.

3.3. Công ty Trách nhiệm hữu hạn (TNHH) Năng lượng B1; địa chỉ: 12 Đường G1, phường Th, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền là ông Ngô Quang X (địa chỉ: Nhà số 25/36 đường TTT, phường Ph1, Quận X, thành phố Hồ Chí Minh); ông X có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty TNHH Năng lượng B1 là Luật sư Trần Thị H2 (thuộc đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh) có mặt.

3.4. Bà Đỗ Thị X2, sinh năm 1956; địa chỉ: Nhà số 06 đường BHN, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

3.5. Ông Phạm Công T2, sinh năm 1958; địa chỉ: Nhà số 1073/36 đường C, phường 7, quận T3, thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

3.6. Ngân hàng TMCP N Việt Nam; địa chỉ: 198 Trần Quang Khải, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam ủy quyền cho ông Phạm Ngọc H3 (Giám đốc Ngân hàng TMCP N Việt Nam-Chi nhánh Đắk Lắk) theo nội dung Giấy ủy quyền số 393/UQ-V*-PC ngày 06/7/2017. Ông Phạm Ngọc H3 ủy quyền lại cho ông Hà Nam G2 (Phó phòng

khách hàng doanh nghiệp Ngân hàng TMCP N Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk) theo Giấy ủy quyền lại số 357/UQ-DLA.KH ngày 18/7/2017; ông G2 có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

3.7. Bà Trần Thị Kim X2; địa chỉ: Nhà số 12 Đường G1, phường Th, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; bà X2 có mặt.

3.8. Công ty MBC; địa chỉ Văn phòng đại diện Công ty DC tại Phòng 1501, Tòa nhà ML, 02 đường NĐK, phường B3, Quận X, thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại Đơn khởi kiện đề ngày 26/5/2017 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Trần Thị Kim D và đại diện theo ủy quyền của bà D (ông Sin Thoại K trình bày: Tháng 4/2012, ông Bùi Văn H đề nghị bà D góp vốn vào Công ty cổ phần điện TL để đầu tư xây dựng Nhà máy thủy điện tại xã H1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Chấp nhận đề nghị của ông H thì ngày 18/04/2012, bà D ký với ông H ***Biên bản thỏa thuận*** về góp vốn và chuyển nhượng cổ phần có các nội dung cơ bản như: Ông H (hiện đang sở hữu 3.736.355 cổ phần tại Công ty cổ phần điện TL, tương đương 17,46% vốn điều lệ); ông H cam kết sẽ chuyển nhượng cho bà D 428.000 cổ phần (tương đương 2% vốn điều lệ của Công ty) với giá 3.210.000.000 đồng, trong thời hạn không quá 6 tháng kể từ khi Nhà máy thủy điện vận hành, đi vào hoạt động. Thực hiện cam kết trong ***Biên bản thỏa thuận*** thì ngày 15/06/2012, bà D đã giao ông H đủ số tiền 3.210.000.000 đồng. Tháng 9/2014 khi nhà máy thủy điện H1 đi vào hoạt động, Bà D nhiều lần yêu cầu ông H tiến hành thủ tục chuyển nhượng cổ phần, nhưng ông H không thực hiện nên bà D đã có gửi văn bản tới các cổ đông, Ban giám đốc Công ty cổ phần điện TL nhờ can thiệp. Ngày 22/02/2017, ông H gửi Thông báo cho bà D tuyên bố đơn phương hủy bỏ ***Biên bản thỏa thuận*** ngày 18/04/2012, đồng thời ông H cũng thông báo tháng 12/2016 ông H đã chuyển nhượng toàn bộ 3.115.840 cổ phần cho Công ty TNHH Năng lượng B1 do ông H làm giám đốc.

Nay bà D khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông H chuyển nhượng 428.000 cổ phần, tương đương 2% vốn góp trong Công ty cổ phần điện TL cho Bà theo đúng như cam kết của hai bên tại ***Biên bản thỏa thuận*** ngày 18/04/2012; việc ông H tự ý thế chấp số cổ phần đã cam kết chuyển nhượng cho Bà tại Ngân hàng TMCP N Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk, tiếp đó ông H tự ý chuyển nhượng số cổ phần này vào vốn góp của ông H tại Công ty TNHH Năng lượng B1 do ông H làm giám đốc là hành vi tẩu tán tài sản, trái quy định của pháp luật.

Bị đơn là ông Bùi Văn H (Giám đốc Công ty TNHH Năng lượng B1) và người đại diện theo ủy quyền của ông H là ông Ngô Quang X trình bày: Thừa nhận có ký với bà D ***Biên bản thoả thuận*** ngày 18/04/2012, nội dung cam kết sẽ chuyển nhượng cho bà D 428.000 cổ phần, với giá 3.210.000.000 đồng, tương đương 2% tỷ lệ vốn góp, trong vòng 6 tháng kể từ khi Nhà máy đi vào hoạt động; hai bên còn thỏa thuận nếu ông H không chuyển nhượng cổ phần nữa hoặc chuyển nhượng chậm so với thời hạn cam kết thì ông H phải bồi thường cho bà D. Nay ông H không còn ý định chuyển nhượng cổ phần cho bà D, nhưng ông H vẫn chuyển cho bà D toàn bộ cổ tức được hưởng từ 2% tỷ lệ vốn góp tại Công ty cổ phần điện TL. Ngày 28/11/2016, Công ty TNHH Năng lượng B1 được thành lập với 02 thành viên góp vốn là ông H và vợ ông H là bà Trần Thị Kim X2 và ngày 30/12/2016, ông H chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần của ông H sở hữu tại Công ty cổ phần điện TL sang phần vốn góp của ông H tại Công ty TNHH Năng lượng B1, ***Chứng thư gia nhập*** cổ đông của Công ty TNHH Năng lượng B1 đã được các cổ đông của Công ty cổ phần điện TL ký tên đồng ý, Công ty cổ phần điện TL đã cấp ***Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần*** và xác nhận tư cách cổ đông của Công ty TNHH Năng lượng B1. Như vậy, Công ty TNHH Năng lượng B1 đã trở thành cổ đông của Công ty cổ phần điện TL nên đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà D; ông H đồng ý bồi thường cho bà D theo như cam kết tại Điều 4 của ***Biên bản thỏa thuận*** với số tiền 6.239.874.417 đồng (gồm hoàn trả 3.210.000.000 đồng, bồi thường 50% giá trị số cổ phần đã chuyển nhượng là 1.605.000.000 đồng; trả lãi 1.424.874.417 đồng (tính trên số tiền ông H đã nhận của bà D với lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả sau theo công bố của Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh Đắk Lắk, cộng thêm 3,6%/năm).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là bà Đỗ Thị X2 trình bày:

Ngày 24/5/2012, các cổ đông của Công ty cổ phần điện TL (gồm Công ty hợp danh TNHH MBC do ông Gavin S làm đại diện; ông Bùi Văn H; bà Đỗ Thị X2 và ông Phạm Công T2) đồng ý ký vào ***Tuyên bố***, nội dung: Ông H chuyển nhượng cho ông Bùi Ngọc A, bà Trần Thị Kim D mỗi người 428.000 cổ phần; bà X2 chuyển nhượng cho bà Đỗ Thị Kim Th2 1.070.000 cổ phần.

Ngày 18/7/2012, Công ty cổ phần điện TL ban hành ***Điều lệ Công ty*** và Hội đồng quản trị Công ty đã thống nhất cử giám đốc Công ty là bà Đỗ Thị X2; ông Bùi Văn H là Chủ tịch Hội đồng quản trị và là người đại diện theo pháp luật của Công ty; từ ngày 01/8/2016, Hội đồng quản trị cử ông Bùi Ngọc T4 làm Giám đốc Công ty; từ tháng 11/2016 ông Trần Văn Q làm Chủ tịch Hội đồng quản trị, đồng thời là người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần điện TL.

Ngày 05/01/2017, đầy đủ các thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần điện TL họp quý IV/2016 với chương trình cuộc họp không có nội dung bàn về việc ông H chuyển nhượng cổ phần của ông H tại Công ty cổ phần điện TL sang Công ty TNHH Năng lượng B1. Tuy nhiên, khi gần kết thúc cuộc họp ông H nêu nội dung này ra nên ông Q (Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty) gợi ý các cổ đông là cá nhân sở hữu cổ phần nên chuyển nhượng cổ phần cho cổ đông là tổ chức để tránh thuế thu nhập cá nhân nên các cổ đông đồng ý ký ***Chứng thư gia nhập*** của Công ty TNHH Năng lượng B1 do ông H soạn sẵn, nhưng ghi lùi ngày lại, là ngày 30/12/2016. Sau đó, các cổ đông của Công ty cổ phần điện TL nhận được khiếu nại của bà D nên tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 các cổ đông đều đề nghị ông H thực hiện nghiêm chỉnh việc chuyển nhượng cổ phần cho bà D.

Theo bà X2 thì việc ông H chuyển nhượng cổ phần cho Công ty TNHH Năng lượng B1 không đúng trình tự thủ tục, Hợp đồng chuyển nhượng không có ngày, ***Chứng thư gia nhập*** của Công ty TNHH năng lương B1 được các cổ đông ký ngày 05/01/2017, nhưng bị ghi lùi ngày lại, là ngày 30/12/2016; việc ông H chuyển nhượng cổ phần ông H nắm giữ tại Công ty cổ phần điện TL sang Công ty TNHH Năng lượng B1 khi cổ phần đang thế chấp tại Ngân hàng TMCP N Việt Nam mà chưa được sự chấp thuận của Ngân hàng là vi phạm điểm 6.2 Hợp đồng tín dụng số 12/0l/TAMLONG/NG/HĐTD ký ngày 22/03/2012 giữa Cty cổ phần điện TL với Ngân hàng; do đó, đề nghị Tòa án tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần giữa ông H với Công ty TNHH Năng lượng B1 vô hiệu, không công nhận tư cách cổ đông của Công ty TNHH Năng lượng B1 tại Công ty cổ phần điện TL; yêu cầu Tòa án buộc ông H thực hiện hoàn tất việc chuyển nhượng 428.000 cổ phần cho bà D theo nội dung ***Biên bản thỏa thuận*** ngày 18/04/2012.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty cổ phần Điện TL do người đại diện theo ủy quyền là ông Bùi Ngọc T4 đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, đồng thời cung cấp các văn bản như: Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐQT ngày 08/9/2017 của các cổ đông Công ty cổ phần điện TL {Nội dung thống nhất cử ông Q là người đại diện của Công ty cổ phần điện TL tham dự phiên tòa sơ thẩm; xác nhận ngày 24/5/2012 các cổ đông của Công ty cổ phần điện TL đã ký đồng ý cho ông H được chuyển nhượng 428.000 cổ phần cho bà D; thống nhất yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần giữa ông H với Công ty TNHH Năng lượng B1 vô hiệu, không công nhận tư cách cổ đông của Công ty TNHH Năng lượng B1 tại Công ty cổ phần điện TL}.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị Kim X2 trình bày: Ngày 18/4/2012, bà X2 và ông Cao Thanh T1 (chồng bà D) chứng kiến

việc ông H, bà D ký ***Biên bản thỏa thuận*** và chứng kiến việc giao nhận tiền ngày 15/6/2012; bà X2 đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt bà theo đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Cao Thanh T1 (chồng bà D) thống nhất với trình bày của người đại diện theo ủy quyền của bà D.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Công T2 thống nhất với trình bày của bà D và bà X2.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hà Nam G2 (đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP N Việt Nam) trình bày: Toàn bộ cổ phần của ông H tại Công ty cổ phần điện TL đang thế chấp tại Ngân hàng để bảo đảm các khoản vay của Công ty cổ phần điện TL; trong khi chưa được sự đồng ý của Ngân hàng, nhưng ông H ký Hợp đồng chuyển nhượng số cổ phần này cho Công ty TNHH Năng lương B1 nên việc chuyển nhượng này không có giá trị pháp lý. Hiện nay, số cổ phần của ông H thế chấp tại Ngân hàng vẫn chưa được giải chấp nên đề nghị ông H thu hồi lại toàn bộ số cổ phần đã chuyển nhượng cho Công ty TNHH Năng lượng B1 để bảo đảm thực hiện đúng Hợp đồng thế chấp đã ký với Ngân hàng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Gavin S (đại diện theo ủy quyền của Công ty MBC) trình bày: Công ty đồng ý để ông H chuyển nhượng 428.000 cổ phần cho bà D; Công ty không công nhận Công ty TNHH Năng lượng B1 là cổ đông của Công ty cổ phần điện TL do vi phạm Điều 17.2 Hợp đồng cổ đông và Điều 10.2 Điều lệ Công ty cổ phần điện TL.

- Tại Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 01/2017/KDTM-ST ngày 20/9/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 184; điểm c khoản 1 Điều 201 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 4; Điều 128; khoản 4 Điều 348; Điều 428; khoản 1 Điều 449 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 1 Điều 428, Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 5 Điều 87 Luật doanh nghiệp năm 2005;

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 121; khoản 7 Điều 126 Luật doanh nghiệp năm 2014; Căn cứ khoản 1 Điều 20 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Trần Thị Kim D, buộc ông Bùi Văn H phải hoàn tất thủ tục chuyển nhượng 428.000 cổ phần sở hữu tại Công ty cổ phần điện TL cho bà Trần Thị Kim D. Ông Bùi Văn H có nghĩa vụ hoàn tất các thủ tục có liên quan để các thông tin của bà Trần Thị Kim D được quy định tại khoản 2 Điều 121 Luật doanh nghiệp năm 2014 được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông của Công ty cổ phần Điện TL.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Đỗ Thị X2: Không công nhận tư cách cổ đông của Công ty TNHH Năng lượng B1 tại Công ty cổ phần điện TL. Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 30/12/2016 giữa ông Bùi Văn H với Công ty TNHH Năng lượng B1 là vô hiệu.

3. Về án phí: Hoàn trả cho bà Trần Thị Kim D 3.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp, theo biên lai số AA/2016/0001195 ngày 31/5/2017 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk, do ông Cao Thanh T1 nộp thay. Hoàn trả cho bà Đỗ Thị X2 3.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp, theo biên lai số AA/2016/0004413 ngày 05/7/2017 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk, do ông Trần Hồng Việt nộp thay.

Do yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim D được chấp nhận nên ông Bùi Văn H phải chịu 3.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của bà Đỗ Thị X2 nên Công ty cổ phần điện TL phải chịu 3.000.000 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Ông Bùi Văn H phải chịu 1.500.000đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Công ty TNHH Năng lượng B1 phải chịu l.500.000.000 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Ngày 28/9/2017, ông H với tư cách cá nhân và với tư cách giám đốc đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Năng lượng B1 kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, tuyên bố cam kết chuyển nhượng cổ phần giữa ông H với bà D vô hiệu vì:

+ Ngày 18/4/2012 ông H ký ***Biên bản cam kết***, cam kết chuyển nhượng cổ phần cho bà D, nhưng khi đó số cổ phần của ông H đã được được thế chấp bảo đảm khoản vay của Công ty cổ phần điện TL tại Ngân hàng TMCP N Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk theo Hợp đồng tín dụng số 120/TAMLONG/NG/HĐTD ngày 22/3/2012 (điều 6.2 của Hợp đồng).

+ Cam kết sẽ chuyển nhượng cổ phần diễn ra trong tương lai (vào tháng 9/2014) chứ giao dịch chuyển nhượng chưa phát sinh tại thời điểm hai bên ký Biên bản thỏa thuận.

+ Bà X2 đã có yêu cầu độc lập, yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần giữa ông H với Công ty TNHH Năng lượng B1 vô hiệu và Tòa án chấp nhận yêu cầu này của bà X2; nhưng lại không giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu là không đúng quy định tại Điều 131 Bộ luật dân sự và hướng dẫn tại Giải đáp về nghiệp vụ số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân tối cao.

+ Giao dịch chuyển nhượng cổ phần giữa ông H với Công ty TNHH Năng lượng B1 đã được các cổ đông của Công ty cổ phần điện TL đồng ý ký tên vào ***Chứng thư gia nhập*** cho Công ty TNHH Năng lượng B1; Công ty TNHH Năng lượng B1 đã được Công ty cổ phần điện TL cấp ***Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần*** và xác nhận tư cách cổ đông; đã được Công ty cổ phần điện TL thanh toán cổ tức; do đó, đề nghị Tòa án tuyên bố giao dịch chuyển nhượng cổ phần giữa ông H với Công ty TNHH Năng lượng B1 có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Đại diện theo ủy quyền cho ông H (ông H vừa là bị đơn vừa là đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Năng lượng B1) giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D, đề nghị công nhận hợp đồng chuyển nhượng cổ phần giữa ông và Công ty TNHH Năng lượng B1.

- Bà D; đại diện theo ủy quyền cho bà D; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đều đề nghị Tòa án giữ nguyên quyết định tại bản án sơ thẩm (buộc ông H phải chuyển nhượng cổ phần cho bà D).

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến:

+ Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng nhận định ông H chưa ký Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần cho bà D chỉ cam kết *"hứa"* sẽ ký Hợp đồng nên không thể cưỡng chế buộc ông H phải ký Hợp đồng mà cần căn cứ thỏa thuận của hai bên tại Điều 4 của ***Biên bản thỏa thuận*** ngày 18/4/2012 (Về bồi thường) để buộc ông H bồi thường cho bà D. Cổ phần của ông H vẫn đang thế chấp tại Ngân hàng, đến nay vẫn chưa được Ngân hàng giải chấp nên Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần giữa ông H với Công ty TNHH Năng lượng B1 cũng vô hiệu.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; nghe các bên đương sự, luật sư trình bày và nêu yêu cầu; sau khi xem xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và sau khi nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

A/ Về tố tụng:

{1}. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp giữa người chưa phải là thành viên Công ty nhưng có giao dịch về chuyển nhượng phần vốn góp với thành viên Công ty và thành viên Công ty (bị đơn trong vụ án) cư trú tại tỉnh Đắk Lắk nên là tranh chấp kinh doanh, thương mại thuộc quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk theo quy đinh tại khoản 3 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk sau khi xét xử sơ thẩm, có kháng cáo nên thẩm quyền xét xử phúc thẩm thuộc Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

{1.2}. Về các yêu cầu khởi kiện:

Ngày 26/5/2017, nguyên đơn là bà Trần Thị Kim D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Bùi Văn H hoàn tất việc chuyển nhượng cho Bà 428.000 cổ phần, tương đương 2% vốn điều lệ mà ông H sở hữu tại Công ty cổ phần điện TL, theo như nội dung ***Biên bản thỏa thuận*** hai bên đã ký ngày 18/4/2012 để sau đó yêu cầu Công ty cổ phần điện TL xác nhận và cấp Sổ cổ đông cho Bà; yêu cầu Tòa án hủy Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần không đề ngày, tháng 12/2016 ký giữa ông H với Công ty TNHH Năng lượng B1. Ngày 04/7/2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đỗ Thị X2 có yêu cầu khởi kiện độc lập, yêu cầu tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần giữa ông H vói Công ty TNHH Năng lượng B1 vô hiệu và không công nhận tư cách cổ đông của Công ty TNHH Năng lượng B1 tại Công ty cổ phần điện TL. Tòa án cấp sơ thẩm xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu khởi kiện độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quan hệ chặt chẽ với nhau nên thụ lý giải quyết trong cùng vụ án là có cơ sở, đúng pháp luật vì: bà X2, ông T2 và ông H cùng ký Hợp đồng thế chấp toàn bộ cổ phần của 3 người để bảo đảm khoản vay của Công ty cổ phần điện TL tại Ngân hàng nên việc ông H chuyển nhượng số cổ phần này ảnh hưởng đến trách nhiệm bảo đảm trả nợ của bà X2, ông T2 tại Ngân hàng.

{1.3}. Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 18/4/2012, ông H, bà D ký ***Biên bản thỏa thuận***, theo đó ông H cam kết sẽ thực hiện chuyển nhượng 428.000 cổ phần của ông H sở hữu tại Công ty cổ phần điện TL cho bà D trong vòng 06 tháng kể từ khi Dự án Nhà máy Thủy điện H1 do Công ty cổ phần điện TL làm chủ đầu tư đi vào hoạt động và vận hành. Tháng 09/2014, dự án Nhà máy Thủy điện H1 chính thức hoạt động, vận hành; tuy nhiên, quá thời hạn 6 tháng theo cam kết, ông H không thực hiện việc chuyển nhượng cổ phần nên ngày 29/5/2017 bà D khởi kiện là còn thời hiệu khởi kiện (3 năm) theo quy định Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015.

B/ Về nội dung:

{1}. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (bà D) yêu cầu Tòa án buộc ông H phải chuyển nhượng 428.000 cổ phần, tương đương 2% tỷ lệ vốn góp của ông H tại Công ty cổ phần điện TL cho bà D, theo nội dung ***Biên bản thỏa thuận*** ông H ký với bà D ngày 18/04/2012, thì thấy:

{1.1}. Các điều khoản, cam kết cơ bản mà ông H đã ký với bà D tại ***Biên bản thỏa thuận*** ngày 18/04/2012 là: *"...1.3.TLP đang thực hiện dự án xây lắp và vận hành nhà máy thủy điện H1 tại...1.4. Theo tiến độ dự kiến, dự án sẽ đi vào hoạt động và vận hành chính thức vào tháng 9/2014 với công suất 29 MW....**Điều 2: Thỏa thuận chuyển nhượng:** 2.1. Với 3.736.355 cổ phần đang nắm giữ tại TLP, tương đương 17,46% tổng vốn điều lệ, Ông H hứa sẽ chuyển nhượng cho Bà D 2% tương đương với 428.000 cổ phiếu...2.2. Giá trị chuyển nhượng 2% cổ phần nêu tại khoản 2.1 trên đây có giá trị là 3.210.000.000 đồng. 2.3. Phương thức thực hiện chuyển nhượng như sau: Ngay khi dự án đi vào hoạt động và vận hành, Ông H sẽ thực hiện việc chuyển nhượng cổ phần trực tiếp cho bà D từ số cổ phần mà ông H đang nắm giữ tại TLP.2.4. Sau khi nhận chuyển nhượng chính thức từ ông H, Bà D trở thành cổ đông của TLP và được hưởng mọi quyền lợi và nghĩa vụ phát sinh từ số cổ phần đang sở hữu tại thời điểm đó. **Điều 3: Cam kết thực hiện:** Cả hai bên đều hiểu rằng bản thỏa thuận này là một giao dịch mà trong đó đối tượng của nó (khoản 2.1) sẽ phát sinh trong tương lai. Vì vậy: Ông H bằng uy tín và sự tôn trọng hiểu biết lẫn nhau, bằng trách nhiệm trước pháp luật của mình phải đảm bảo rằng: 3.1. Việc chuyển nhượng nêu tại khoản 2.1 phải được thực hiện khi nhà máy đi vào hoạt động và vận hành không quá 6 tháng. 3.2. Bà D được hưởng mọi quyền lợi và nghĩa vụ phát sinh từ số cổ phần mà ông H chuyển nhượng ngay khi nhà máy đi vào vận hành phát điện thương phẩm... Tức là trong trường hợp chuyển nhượng chính thức đã được thực hiện hay chưa, có được thực hiện hay không thì ông H phải đảm bảo rằng lợi ích của bà D phải được thực hiện như đã nhận chuyển nhượng chính thức kể từ ngày dự án đi vào hoạt động như nêu tại điều 2.3...Điều 4: **Bồi thường:** 4.1. Trong trường hợp việc chuyển nhượng chính thức nêu tại Điều 2 không thực hiện được hoặc thực hiện trễ hơn thời gian nêu tại khoản 3.1, ông H phải có trách nhiệm bồi thường cho bà D như sau: - Hoàn trả 100% giá trị chuyển nhượng nêu tại khoản 2.2 - Bồi thường tương đương 50% giá trị chuyển nhượng nêu tại khoản 2.2 - Thanh toán khoản lãi suất tính bằng lãi suất huy động tiết kiện VNĐ 12 tháng (trả lãi sau) theo công bố của Ngân hàng TMCP N-Chi nhánh Đắk Lắk tại thời điểm xác định lãi suất+3,6%/năm cho suốt thời gian ông H giữ số tiền mà bà D đã giao. Thời hạn thanh toán khoản khoản bồi thường không được trễ quá 03 tháng kể từ ngày hai bên thống nhất rằng việc chuyển nhượng chính thức sẽ không thực hiện được,*

hoặc không trễ quá ngày 30/6/2015. Điều 5: ***Trường hợp bất khả kháng:*** *Trong trường hợp bất khả kháng dẫn đến không thể thực hiện việc chuyển nhượng chính thức, cả hai bên đều đương nhiên được xem là không có lỗi vi phạm thỏa thuận. Trong trường hợp này ông H sẽ hoàn trả 100% giá trị chuyển nhượng cho bà D".* Như vậy, nội dung ***Biên bản thỏa thuận*** ngày 18/4/2012 thể hiện hai bên khi ký thỏa thuận đã xác định đối tượng của giao dịch (cổ phần của ông H tại Nhà máy thủy điện H1) hiện chưa hình thành mà *"sẽ phát sinh trong tương lai"* nên bên sở hữu cổ phần trong tương lai là ông H cam kết *"hứa hẹn"* sẽ ký Hợp đồng chuyển nhượng số cổ phần này cho bà D khi Nhà máy thủy điện H1 đi vào vận hành; hai bên thỏa thuận trường hợp bất khả kháng thì ông H hoàn trả bà D số tiền 3.210.000.000 đồng đã nhận, còn trường hợp việc chuyển nhượng chính thức không thực hiện được hoặc trễ quá 6 tháng kể từ khi Nhà máy thủy điện đi vào vận hành thì ông H phải bồi thường cho bà D (gồm trả 3.210.000.000 đồng đã nhận + 50% của số tiền 3.210.000.000 đồng + tiền lãi tính theo lãi suất huy động tiết kiệm trả sau 12 tháng của Ngân hàng TMCP N Đắk Lắk, cộng thêm 3,6% năm cho thời gian ông H giữ tiền của bà D).

Xét, Nhà máy thủy điện H1 đã đi vào vận hành từ tháng 9/2014, đã *"trễ quá 6 tháng"* rất lâu theo cam kết của hai bên, nhưng ông H cố tình không thực hiện việc ký hợp đồng chính thức chuyển nhượng cổ phần cho bà D nên ông H phải bồi thường cho bà D theo thỏa thuận của hai bên tại Điều 4 (về bồi thường) của ***Biên bản thỏa thuận*** ngày 18/4/2012. Xét việc bà D không đồng ý nhận tiền bồi thường mà yêu cầu Tòa án buộc ông H phải ký Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần là không chấp nhận được vì hành vi *"đặt bút ký vào hợp đồng hoặc không ký"* là quyền nhân thân (quyền bất khả xâm phạm về tính mạng, thân thể) của ông H được pháp luật bảo vệ quy định tại Điều 25, 33 của Bộ luật dân sự năm 2015. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay ông Trần Văn Q, bà Đỗ Thị X2 và ông Phạm Công T2 không chấp nhận việc ông H đã ký hợp đồng chuyển nhượng cổ phần của ông H sang Công ty TNHH Năng lượng B1 mà yêu cầu Tòa án buộc ông H phải ký hợp đồng chuyển nhượng cổ phần của ông H cho bà D; nhưng khi trả lời câu hỏi của Hội đồng xét xử là các Ông Bà được lợi hay thiệt hại gì khi ông H chuyển nhượng cổ phần của ông H cho bà D hoặc cho Công ty TNHH Năng lượng B1 thì đều xác định quyền lợi của họ không bị ảnh hưởng bởi việc này. Ông Q, bà X2 và ông T2 cũng thừa nhận nếu ông H không ký hợp đồng chuyển nhượng cổ phần cho bà D thì họ cũng không thể tước quyền hưởng cổ tức của ông H tại Công ty cổ phần điện TL để chuyển cổ tức này cho bà D.

{1.2}. Mặt khác, số cổ phần ông H sở hữu tại Công ty cổ phần điện TL đã thế chấp hết tại Ngân hàng TMCP N Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk để bảo đảm khoản vay của Công ty cổ phần điện TL tại Ngân hàng theo điểm 6.2 của

Hợp đồng tín dụng số 12/01/TAMLONG/NG/HĐTD ngày 22/3/2012. Sau đó, ngày 18/4/2012 ông H ký ***Biên bản thỏa thuận*** *"hứa bán"* một phần số cổ phần này cho bà D, nhưng cũng chưa được Ngân hàng TMCP N đồng ý về mặt chủ trương và đến nay Ngân hàng TMCP N vẫn trình bày ông H chưa được giải chấp số cổ phần này nên Ngân hàng TMCP N yêu cầu ông H phải thu hồi số cổ phần đã chuyển nhượng xong cho Công ty TNHH Năng lượng B1 để bảo đảm số cổ phần này vẫn thế chấp tại Ngân hàng TMCP N theo điểm 6.2 ***Hợp đồng tín dụng*** 12/01/TAMLONG/NG/HĐTD ngày 22/3/2012 và điểm b Điều 5 ***Hợp đồng thế chấp phần vốn góp*** số 241112/HNG/HĐTC ngày 24/11/2012.

Từ luận điểm {1.1}, {1.2} nêu trên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà D và đề nghị của một số cổ đông của Công ty cổ phần điện TL về yêu cầu Tòa án buộc ông H phải chính thức ký hợp đồng chuyển nhượng 428.000 cổ phần, tương đương 2% tỷ lệ vốn góp của ông H tại Công ty cổ phần điện TL cho bà D.

{2}. Về yêu cầu độc lập của bà Đỗ Thị X2 (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án) yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần giữa ông H với Công ty TNHH Năng lượng B1 vô hiệu, không công nhận tư cách cổ đông của Công ty TNHH Năng lượng B1 tại Công ty cổ phần điện TL thì thấy:

Bà Đỗ Thị X2, ông Phạm Công T2 và ông Bùi Văn H cùng tham gia ký ***Hợp đồng tín dụng*** số 12/01/TAMLONG/NG/HĐTD ngày 22/3/2012 và ***Hợp đồng thế chấp phần vốn góp*** số 241112/HNG/HĐTC ngày 24/11/2012 với Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh Đắk Lắk, nội dung thế chấp toàn bộ cổ phần của 3 người tại Công ty cổ phần điện TL để bảo đảm khoản vay của Công ty cổ phần điện TL tại Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh Đắk Lắk. Do đó, việc ông H chưa bàn bạc với bà X2, ông T2 và trong khi chưa được sự chấp thuận của Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh Đắk Lắk; nhưng ngày 30/12/2016 ông H đã tự ý chuyển nhượng số cổ phần của ông H đang thế chấp tại Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh Đắk Lắk này cho Công ty TNHH Năng lượng B1 là vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 348 Bộ luật dân sự 2005; ảnh hưởng đến trách nhiệm bảo đảm trả nợ của bà X2, ông T2 tại Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh Đắk Lắk; ảnh hưởng quyền lợi hợp pháp của bên nhận thế chấp (Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh Đắk Lắk) được quy định tại Điều 351 Bộ luật dân sự 2005); đến nay Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh Đắk Lắk vẫn yêu cầu ông H phải thu hồi số cổ phần đã chuyển nhượng xong cho Công ty TNHH Năng lượng B1 để bảo đảm số cổ phần này vẫn thế chấp tại Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh Đắk Lắk theo điểm 6.2 ***Hợp đồng tín dụng*** 12/01/TAMLONG/NG/HĐTD ngày 22/3/2012 và điểm b Điều 5 ***Hợp đồng thế chấp phần vốn góp*** số 241112/HNG/HĐTC ngày 24/11/2012. Mặt khác, trong khi chưa bàn bạc thỏa thuận với các cổ đông khác

của Công ty cổ phần điện TL; nhưng ông H đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của ông H sở hữu tại Công ty cổ phần điện TL cho Công ty TNHH Năng lượng B1 (Công ty TNHH Năng lượng B1 chưa thuộc sở hữu toàn phần của ông H) là chưa phù hợp với quy định tại điểm 10.2 ***Điều lệ*** Công ty cổ phần điện TL, điểm 17.2 ***Hợp đồng cổ đông*** của Công ty cổ phần điện TL. Vì vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của bà Đỗ Thị X2 và yêu cầu của Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh Đắk Lắk tuyên bố ***Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần*** ngày 30/12/2016 giữa ông H với Công ty TNHH Năng lượng B1 vô hiệu; không công nhận tư cách cổ đông của Công ty TNHH Năng lượng B1 tại Công ty cổ phần điện TL (số cổ phần ông H đã chuyển nhượng cho Công ty TNHH B1 vẫn thuộc sở hữu của ông H tại Công ty cổ phần điện TL và số số cổ phần này vẫn đang thế chấp tại Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh Đắk Lắk theo điểm 6.2 ***Hợp đồng tín dụng*** 12/01/TAMLONG/NG/HĐTD ngày 22/3/2012 và điểm b Điều 5 ***Hợp đồng thế chấp phần vốn góp*** số 241112/HNG/HĐTC ngày 24/11/2012).

{3}. Về số tiền bà D được bồi thường theo cam kết của hai bên tại Điều 4 của ***Biên bản thỏa thuận*** ngày 18/4/2012 thì cấp phúc thẩm xét: Ông H phải hoàn trả số tiền 3.210.000.000 đồng đã nhận cho bà D; ông H phải bồi thường cho bà D 50% x 3.210.000.0000 đồng= 1.605.000.000 đồng và ông H phải trả lãi cho bà D "*…tính bằng lãi suất huy động tiết kiện VNĐ 12 tháng (trả lãi sau) theo công bố của Ngân hàng TMCP N-Chi nhánh Đắk Lắk tại thời điểm xác định lãi suất+3,6%/năm cho suốt thời gian ông H giữ số tiền mà bà D đã giao"*. Về số tiền lãi ông H phải trả bà D thì thấy: Ngày 15/6/2012, bà D giao đủ cho ông H 3.210.000.000 đồng. Ông H đã thực hiện cam kết tại ***Biên bản thỏa thuận*** ngày 18/4/2012, chuyển cổ tức từ 428.000 cổ phần cho bà D (năm 2015 chuyển 284.620.000 đồng, năm 2016 chuyển 451.326.000 đồng). Đến ngày 22/02/2017 ông H có Văn bản gửi bà D thông báo chấm dứt thực hiện ***Biên bản thỏa thuận*** ngày 18/4/2012 (bà D nhận được Văn bản này cùng ngày 22/02/2017 - bút lục 24); ông H chấp nhận bồi thường cho bà D theo Điều 4 của ***Biên bản thỏa thuận,*** nhưng bà D không chấp nhận nên nảy sinh tranh chấp đến nay. Căn cứ Điều 4 của ***Biên bản thỏa thuận***; căn cứ nội dung Văn bản ngày 22/7/2017 của ông H gửi bà D (bà D nhận được cùng ngày, nội dung ông H hẹn thanh toán cho bà D trong vòng 6 tháng); căn cứ cung cấp về lãi suất của Ngân hàng TMCP N-Đắk Lắk, có tham khảo cung cấp của Ngân hàng TMCP N - Đà Nẵng, cấp phúc thẩm buộc ông H trả lãi cho bà D đối với số tiền 3.210.000.0000 đồng, như sau:

+ Từ ngày 15/6/2012 đến ngày 22/02/2017 là 56 tháng 7 ngày (56,2 tháng) theo theo lãi suất huy động tiết kiệm VNĐ 12 tháng trả lãi sau là

6,5%/năm, cộng thêm 3,6%/năm, cụ thể: {3.210.000.000 đồng x (6,5%+3,6%)/12 tháng x 56,2 tháng} = 1.518.383.500 đồng

+ Từ ngày 22/02/2017 đến 22/8/2017 (hết 6 tháng theo nội dung Văn bản ngày 22/02/2017 của ông H) với lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 1 tháng là 4,1%/12 tháng, cụ thể: {3.210.000.000 đồng x 4,1%/12 tháng x 6 tháng} = 65.805.000 đồng.

+ Từ ngày 22/8/2017 đến nay (27/3/2018) là 220 ngày, với lãi suất không kỳ hạn, mức lãi 0,2%/năm, cụ thể: {3.210.000.000 đồng x 0,2%/365 ngày x 220 ngày} = 3.869.589 đồng

Như vậy, ông H phải bồi thường cho bà D tổng cộng: {3.210.000.000 đồng + 1.605.000.000 đồng + 1.518.383.500 đồng + 65.805.000 đồng + 3.869.589 đồng} = 6.403.508.089 đồng.

{4}. Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm:

Yêu cầu khởi kiện của bà D (yêu cầu buộc ông H phải ký hợp đồng chính thức chuyển nhượng cổ phần cho bà D) không được chấp nhận nên bà D phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm;

Yêu cầu khởi kiện độc lập của bà Đỗ Thị X2, yêu cầu tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần giữa ông H với Công ty TNHH Năng lượng B1 vô hiệu được chấp nhận nên bà X2 không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; ông H và Công ty TNHH Năng lượng B1 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện độc lập của bà X2 được chấp nhận.

{5}. Về án phí phúc thẩm:

Kháng cáo của ông Bùi Văn H được chấp nhận một phần (về phần không đồng ý chuyển nhượng cổ phần cho bà D) nên ông H không phải chịu án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm.

Kháng cáo của Công ty TNHH Năng lượng B1, yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng cổ phần giữa ông H với Công ty TNHH Năng lượng B1 không được chấp nhận nên Công ty TNHH Năng lượng B1 phải chịu án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 184; điểm c khoản 1 Điều 201; khoản 4 Điều 264; khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 4, 24, 32, 128, khoản 4 Điều 348 và Điều 351 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 3, 25, 33, 123, khoản 8 Điều 320, 323, 418, 423, 427, 428, 429 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 20 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

Căn cứ khoản 5 Điều 87 Luật doanh nghiệp năm 2005; khoản 1 Điều 126 Luật doanh nghiệp năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử, sửa bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 01/2017/KDTM-ST ngày 20/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, sửa cụ thể như sau:

1. Không chấp nhận Đơn khởi kiện của bà Trần Thị Kim D về yêu cầu buộc ông Bùi Văn H phải ký và hoàn tất thủ tục chuyển nhượng 428.000 cổ phần ông H sở hữu tại Công ty cổ phần điện TL cho bà D.

Ông Bùi Văn H có nghĩa vụ bồi thường cho bà Trần Thị Kim D 6.403.508.089 đồng (sáu tỷ bốn trăm lẻ ba triệu năm trăm lẻ tám ngàn không trăm tám mươi chín đồng). Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đỗ Thị X2: Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 30/12/2016 giữa ông Bùi Văn H với Công ty TNHH Năng lượng B1 là vô hiệu; không công nhận tư cách cổ đông của Công ty TNHH Năng lượng B1 tại Công ty cổ phần điện TL (số cổ phần ông H đã chuyển nhượng cho Công ty TNHH B1 vẫn thuộc sở hữu của ông H tại Công ty cổ phần điện TL và vẫn đang thế chấp tại Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh Đắk Lắk theo điểm 6.2 ***Hợp đồng tín dụng*** 12/01/TAMLONG/NG/HĐTD ngày 22/3/2012 và điểm b Điều 5 ***Hợp đồng thế chấp phần vốn góp*** số 241112/HNG/HĐTC ngày 24/11/2012).

3. Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim D không được chấp nhận nên bà D phải chịu 3.000.000 đồng án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm; khấu trừ vào số tiền 3.000.000 đồng tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm bà D nộp (do ông Cao Thanh T1 chồng bà D nộp thay) tại Biên lai thu số AA/2016/0001195 ngày 31/5/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Do yêu cầu độc lập của bà Đỗ Thị X2 được chấp nhận nên bà X2 không phải chịu án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm, do đó được hoàn trả 3.000.000 đồng tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm bà X2 đã nộp (do ông Trần Hồng Việt nộp thay) theo Biên lai thu số AA/2016/0004413 ngày 05/7/2017 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk; Công ty TNHH Năng lượng B1 và ông H mỗi người phải chịu 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm triệu đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm;

4. Về án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm:

Kháng cáo của ông Bùi Văn H được chấp nhận một phần (phần không đồng ý chuyển nhượng cổ phần cho bà D) nên ông H không phải chịu án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm; ông H được hoàn trả 2.000.000 đồng tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp (do ông Ngô Quang X nộp thay) theo Biên lai thu số AA/2017/0001712 ngày 03/10/2017 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk, nhưng khấu trừ vào số tiền án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm 1.500.000 đồng ông H phải nộp nên ông H được hoàn trả lại 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng).

Kháng cáo của Công ty TNHH Năng lượng B1, yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng cổ phần giữa ông H với Công ty không được chấp nhận nên Công ty TNHH Năng lượng B1 phải chịu 2.000.000 đồng án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm; khấu trừ vào số tiền 2.000.0000 đồng đã nộp tạm ứng án phí kháng cáo phúc thẩm theo Biên lai thu số AA/2017/0001713 ngày 03/10/2017 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk (ông Ngô Quang X nộp).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk (để biết);
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk (để thi hành);
- Lưu: Phòng lưu trữ; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Kim Nhân